

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24/12/2021

“V/v: Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Võ Chắt**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Trần Sỹ Trinh và bà Nguyễn Thị Loan.**

- Thư ký phiên tòa: **Bà Đỗ Thị Nga** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa: **Bà Đặng Thị Hương** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 12 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 06/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXX-ST ngày 05 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: ấp 3, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: Tôi và ông Nguyễn Đình L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996, có làm đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc, khoảng thời gian sau này chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông L thường xuyên say xỉn, không lo làm ăn, mỗi lần say xỉn về thì lại đánh đập tôi, vì các con tôi đã cố gắng chịu đựng, năm 2016 tôi có nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhưng thấy tội cho các con và ông L hứa sẽ thay đổi nên tôi rút đơn về cho ông L cơ hội sửa chữa nhưng từ đó đến nay ông L không thay đổi, hiện nay tôi phải dọn ra ngoài ở trọ. Nay tôi nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được nữa, cuộc sống chung căng thẳng ngột ngạt, tình cảm của tôi đối với ông L không còn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên mong Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chúng tôi có hai con chung là cháu Nguyễn Đình T, sinh năm 1997 và Nguyễn Thị D, sinh năm 2001. Do các con đã trưởng thành nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà M và ông L tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Đình L vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:*
Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 09 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Đình L là vợ chồng.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà M không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Bà M phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Xác định đây là vụ án “Ly hôn” do bà Nguyễn Thị M đứng đơn khởi kiện, bị đơn là ông Nguyễn Đình L cư trú tại ấp 3, xã Tiến H, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Về việc vắng mặt đương sự: Bị đơn ông L vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản hợp lệ trong suốt quá trình tố tụng nhưng ông L từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình tại Tòa, bà M có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy bà M và ông L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996, có làm đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn là chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, bà M và ông L có đủ điều kiện để kết hôn nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình và khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ*” nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà M, không công nhận bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Đình L là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà M và ông L có hai con chung là cháu Nguyễn Đình Thông, sinh năm 1997 và Nguyễn Thị Dung, sinh năm 2001. Do các con đã trưởng thành, bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà M và ông L tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Bà M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Đình L là vợ chồng.

Về con chung: Do các con đã trưởng thành, bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà M và ông L tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

2. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Bà M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0025498 ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước.
- VKSND TP Đồng Xoài;
- CC THA DS TP Đồng Xoài;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Chất

